BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:7070 /BGDĐT-NGCBQLGD	
V/v cung cấp thông tin về dự thảo Luật Nhà giáo	*Hà Nội, ngày04 tháng11 năm 2024*

Kính gửi: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố

Tiếp nối các hoạt động đã triển khai tại Hội nghị các Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 29/10/2024, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố như sau:

1. Phối hợp cung cấp thông tin về dự thảo Luật Nhà giáo tới Đoàn Đại biểu Quốc hội của địa phương (*dự thảo Luật Nhà giáo, Tờ trình Quốc hội về dự án Luật Nhà giáo*[1] *và Thông tin tổng quan về việc xây dựng Luật Nhà giáo gửi kèm Công văn*).

2. Theo chương trình công tác của Kỳ họp thứ Tám, Quốc hội khóa XV, trong các **ngày 09/11/2024** và **ngày 20/11/2024**, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Kim Sơn thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ sẽ trình bày Tờ trình về dự án Luật Nhà giáo và giải trình, làm rõ một số vấn đề đại biểu Quốc hội hỏi. Chương trình được truyền hình trực tiếp trên sóng của Truyền hình Quốc hội Việt Nam. Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đồng chí Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố thông tin tới toàn thể viên chức và người lao động biết để theo dõi.

Trường hợp cần thông tin chi tiết liên hệ Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục - cơ quan thường trực xây dựng Luật Nhà giáo (bà Nguyễn Thị Hương, PTrP Chính sách Nhà giáo cán bộ, Thư ký Ban soạn thảo, SĐT: 0939.412888, email: nguyenhuong@moet.gov.vn).

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Phạm Ngọc Thưởng (để b/c);
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Vũ Minh Đức

[1] Bản đã trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ Tám, Quốc hội Khóa XV.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THÔNG TIN
Tổng quan về việc triển khai biên soạn dự án Luật Nhà giáo

(Kèm theo công văn số: 1010/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 04 tháng 11 năm 2024)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thông tin tổng quan về việc triển khai biên soạn dự án Luật Nhà giáo như sau:

1. Giai đoạn nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng Luật Nhà giáo

- Từ năm 2018 đến 2021, Bộ GDĐT đã tiến hành triển khai các nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn, rà soát hệ thống pháp luật hiện hành, tổ chức các khảo sát trong nước và quốc tế, huy động đội ngũ chuyên gia trong và ngoài Ngành phục vụ đề xuất xây dựng Luật theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL.

- Việc lập đề nghị xây dựng Luật Nhà giáo được thực hiện từ tháng 12/2021[1] đến tháng 7/2023[2], Chính phủ đã trình Quốc hội 02 lần về việc lập đề nghị xây dựng Luật Nhà giáo vào tháng 9/2023 và tháng 4/2024[3]. Tháng 6/2024, Quốc hội chính thức có Nghị quyết về việc bổ sung Luật Nhà giáo vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2024[4]. Bộ GDĐT được phân công chủ trì soạn thảo Luật Nhà giáo[5]. Trong đó, thời hạn trình Chính phủ Luật Nhà giáo vào tháng 8/2024; thời hạn trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội vào tháng 9/2024.

Việc nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng Luật Nhà giáo được Bộ GDĐT triển khai khẩn trương, nghiêm túc, tạo cơ sở bước đầu quan trọng để xây dựng Luật khi được Ủy ban Thường vụ Quốc hội đồng ý bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 của Quốc hội khóa XV.

2. Giai đoạn soạn thảo Luật Nhà giáo đến tháng 10/2024

Trong thời gian từ tháng 5/2024 đến tháng 10/2024, Bộ GDĐT đã tập trung tối đa lực lượng, khẩn trương, nghiêm túc triển khai các bước trong quy trình soạn thảo Luật Nhà giáo theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Để hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Nhà giáo, Bộ GDĐT đã tổ chức hàng trăm cuộc Hội thảo, Tọa đàm, các cuộc họp tham vấn chuyên gia trong và ngoài ngành; lấy ý kiến các Bộ, cơ quan, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ GDĐT và các Bộ, cơ quan, các Sở GDĐT. Có hơn 800.000 nhà giáo trong toàn quốc đã tham gia góp ý đối với dự thảo Luật Nhà giáo.

---

[1] Quyết định số 2114/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, giao Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, đề xuất xây dựng dự án Luật điều chỉnh về nhà giáo để Chính phủ xem xét, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội đưa vào chương trình xây dựng pháp luật giai đoạn từ năm 2022-2025.

[2] Nghị quyết số 95/NQ-CP ngày 7/7/2023 của Chính phủ về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, thống nhất thông qua đề nghị xây dựng Luật Nhà giáo với 05 chính sách, bao gồm: 1. Định danh nhà giáo, 2. Tiêu chuẩn và chức danh nhà giáo. 3. Tuyển dụng, sử dụng và chế độ làm việc của nhà giáo; 4. Đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và tôn vinh nhà giáo, 5. Quản lý nhà nước về nhà giáo.

[3] Tờ trình số 425/TTr-CP ngày 5/9/2023 và Tờ trình số 125/TTr-CP ngày 2/4/2024 trình Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị bổ sung Luật Nhà giáo vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2024.

4 Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 8/6/2024

5 Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự án Luật Nhà giáo[6], Chính phủ đã có Tờ trình Quốc hội về dự án Luật Nhà giáo[7]. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã xem xét, cho ý kiến đối với dự án Luật Nhà giáo tại 02 phiên họp (phiên thứ 37 ngày 25/9/2024 và phiên thứ 38 ngày 8/10/2024). Ngày 17/10/2024, được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hồ sơ dự án Luật Nhà giáo đã được Chính phủ trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ Tám, Quốc hội khóa XV[8].

Như vậy, với thời gian 15 tháng kể từ khi Chính phủ chính thức thông qua đề nghị xây dựng Luật Nhà giáo, hơn 04 tháng kể từ khi Quốc hội có Nghị quyết chính thức bổ sung dự án Luật Nhà giáo vào chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2024, Bộ GDĐT (cơ quan thường trực Ban soạn thảo) đã tập trung tối đa các nguồn lực để nghiên cứu, soạn thảo, góp ý đối với dự thảo Luật Nhà giáo.

Luật Nhà giáo được đánh giá là luật mới, khó, đối tượng rộng, tác động lớn, có nhiều chính sách quan trọng, liên quan đến nhiều luật. Vì vậy, trong quá trình soạn thảo, Bộ GDĐT luôn luôn chủ động, cầu thị, lắng nghe, tiếp thu các ý kiến góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện các nội dung chính sách đáp ứng yêu cầu.

3. Cấu trúc của dự thảo Luật Nhà giáo

Dự thảo Luật Nhà giáo *(bản trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ Tám, Quốc hội khóa XV)* gồm 09 chương, 50 điều, bao gồm: Chương I. Quy định chung gồm 06 Điều (từ Điều 1 đến Điều 6); Chương II. Hoạt động nghề nghiệp, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo gồm 05 Điều (từ Điều 7 đến Điều 11); Chương III. Chức danh, chuẩn nghề nghiệp nhà giáo gồm 04 Điều (từ Điều 12 đến Điều 15); Chương IV. Tuyển dụng, sử dụng nhà giáo gồm 11 Điều (từ Điều 16 đến Điều 26; Chương V. Chính sách tiền lương, đãi ngộ đối với nhà giáo gồm 05 Điều (từ Điều 27 đến Điều 31;Chương VI. Đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác quốc tế về nhà giáo gồm 02 Mục, Mục 1 gồm 05 Điều (từ Điều 32 đến Điều 36), Mục 2 gồm 02 điều (Điều 37, 38); Chương VII. Tôn vinh, khen thưởng và xử lý vi phạm gồm 07 Điều (từ Điều 39 đến Điều 45); Chương VIII. Quản lý nhà giáo gồm 02 Điều (Điều 46, Điều 47); Chương IX. Điều khoản thi hành gồm 03 Điều (từ Điều 48 đến Điều 50).

4. Một số điểm mới tại dự thảo Luật Nhà giáo

4.1. Về quan điểm xây dựng Luật trong bối cảnh hiện nay

Tại các phiên họp cho ý kiến đối với dự án Luật Nhà giáo, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã đặt ra yêu cầu xây dựng Luật trong bối cảnh hiện nay: (1) Đảm bảo "ngắn gọn"; (2) Không quy định lại các vấn đề đã được điều chỉnh bởi các luật chuyên ngành; (3) Chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội, giao Chính phủ, các bộ, ngành theo thẩm quyền quy định tại các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

Đối với đội ngũ nhà giáo, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khẳng định: nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập là **viên chức đặc biệt**. Theo đó nhà giáo công lập vẫn là viên chức, thực hiện các quy định của Luật viên chức (tuyển dụng, sử dụng, quản lý, hệ thống thang bảng lương…) và chịu sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đồng thời chịu sự điều chỉnh của các quy định đặc thù đối với nhà giáo tại Luật này. Nhà giáo ngoài công lập và nhà giáo là người nước ngoài là **người lao động**

---

[6] Báo cáo thẩm định số 191/BCTĐ-BTP ngày 07/8/2024;
[7] Tờ trình số 406/TTr-CP ngày 06/9/2024.
[8] Tờ trình 656/TTr-CP ngày 17/10/2024

đặc biệt, áp dụng theo quy định của Bộ luật Lao động và thêm những quy định đặc thù của nhà giáo tại luật này. Các quy định đặc thù đối với nhà giáo được tính toán, thiết kế tại dự thảo Luật Nhà giáo theo định hướng "*điều gì tốt hơn cho nhà giáo thì ủng hộ*".[9]

Từ các quan điểm chỉ đạo nêu trên, dự thảo Luật Nhà giáo qua các phiên bản đã có sự điều chỉnh theo hướng ngắn gọn[10], thống nhất với Luật Viên chức và Bộ Luật Lao động trong một số quy định, đồng thời thiết kế các nội dung chính sách riêng cho nhà giáo. Luật Nhà giáo kiến tạo một số chính sách mới, chính sách đột phá để thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo, giúp nhà giáo yên tâm công tác, cống hiến với nghề; đảm bảo sự thống nhất trong quản lý nhà giáo công lập và nhà giáo ngoài công lập; chuẩn hóa và nâng cao chất lượng nhà giáo, lấy đó làm yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục.

4.2. Những điểm mới cơ bản về chính sách đối với nhà giáo tại dự thảo 5 Luật Nhà giáo

(i) Thứ nhất, lần đầu tiên xác lập các quy định đối với nhà giáo ngoài công lập

Luật Nhà giáo áp dụng với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập và nhà giáo trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Điều này giúp "lấp đầy" khoảng trống về pháp lý với nhà giáo ngoài công lập khi Luật Viên chức chỉ chế tài với "người Việt Nam" được tuyển dụng và làm việc "trong cơ sở giáo dục công lập"; khi thực hiện theo Bộ Luật Lao động, nhà giáo ngoài công lập chủ yếu được chế tài với tư cách người lao động; Luật Giáo dục không phân biệt nhà giáo công lập hay nhà giáo ngoài công lập nhưng chưa đầy đủ các quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý nhà giáo. Lần đầu tiên, vị trí pháp lý của nhà giáo ngoài công lập được xác lập đầy đủ, đồng bộ với tư cách nhà giáo chứ không chỉ là người lao động theo cơ chế hợp đồng lao động.

(ii) Thứ hai, nhà giáo được chuẩn hóa thông qua hệ thống chức danh, chuẩn nghề nghiệp

Theo thống kê, thực tế đội ngũ nhà giáo hiện nay có tới 06 nhóm đối tượng, là công chức[11], viên chức, người lao động, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, người làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các trường trong hệ thống các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể. Các nhóm nêu trên lại gắn với từng cấp học và trình độ đào tạo dẫn đến một số quy định về nhà giáo thực hiện chưa đồng bộ, thống nhất. Luật Nhà giáo chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo thông qua hệ thống chức danh, chuẩn nghề nghiệp nhà giáo với các tiêu chuẩn bám sát yêu cầu về năng lực nghề nghiệp nhưng vẫn đảm bảo yếu tố riêng biệt gắn với từng cấp học và trình độ đào tạo.

(iii) Thứ ba, chính sách tuyển dụng, sử dụng gắn với đặc điểm hoạt động nghề nghiệp

- Quy định việc tuyển dụng nhà giáo đảm bảo phải có thực hành sư phạm nhằm lựa chọn người có đủ năng lực gắn với chuẩn nghề nghiệp nhà giáo, đáp ứng hoạt động nghề nghiệp nhà giáo theo từng cấp học, trình độ đào tạo.

- Các chính sách điều động, biệt phái, thuyên chuyển, dạy liên trường, liên cấp đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập được quy định đầy đủ, làm căn cứ

---

[9] Phát biểu của đ.c Nguyễn Khắc Định, PCT Quốc hội tại phiên họp thứ 38 Ủy ban TVQH

[10] Dự thảo 2 đăng trên Cổng TTĐT Chính phủ gồm 9 chương, 71 Điều; Dự thảo 5 trình Quốc hội ngày 6/9/2024 gồm 9 Chương, 74 Điều; Dự thảo 5 trình Quốc hội ngày 17/10/2024 gồm 9 Chương 50 Điều.

[11] Hiệu trưởng, hiệu phó, lãnh đạo Đại học Quốc gia.

để bố trí, phân công nhà giáo phù hợp với đặc điểm hoạt động nghề nghiệp và các yêu cầu của ngành Giáo dục..

(iv) Thứ tư, về chính sách bảo vệ, thu hút nhà giáo

- Nhà giáo được bảo vệ thông qua quyền và những điều không được làm đối với nhà giáo theo định hướng tăng quyền chủ động, sáng tạo và tăng tính bảo vệ nhà giáo trong hoạt động nghề nghiệp;

- Thu hút, trọng dụng người có trình độ cao, người có tài năng, người có năng khiếu đặc biệt, người có kỹ năng nghề cao làm nhà giáo; nhà giáo tham gia giảng dạy, giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

(v) Thứ năm, về chính sách tiền lương và đãi ngộ

- Lương của nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp; có chế độ ưu tiên trong chế độ tiền lương và phụ cấp cao hơn so với các nhà giáo khác đối với nhà giáo cấp học mầm non; công tác ở nơi đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; trường chuyên biệt, trường chuyên biệt khác; thực hiện giáo dục hòa nhập; là người dân tộc thiểu số và nhà giáo ở một số ngành nghề đặc thù; Nhà giáo tuyển dụng, xếp lương lần đầu được xếp tăng 01 bậc lương trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp.

- Tuổi nghỉ hưu của nhà giáo có quy định riêng phù hợp với đặc điểm hoạt động nghề nghiệp. Trong đó, nhà giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non nếu có nguyện vọng thì có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi. Nhà giáo có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ tiến sĩ và nhà giáo làm việc trong các ngành, lĩnh vực chuyên sâu đặc thù được hưởng chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao hơn.

(vi) Thứ sáu, về quản lý nhà nước về nhà giáo

- Giao quyền chủ động cho ngành Giáo dục trong tuyển dụng, sử dụng nhà giáo. Trong đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì xây dựng chiến lược, đề án, kế hoạch phát triển, tổng biên chế đội ngũ nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý trình cấp có thẩm quyền quyết định; ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng, nội dung thực hành sư phạm trong thi/xét tuyển nhà giáo; điều phối biên chế nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập theo số lượng được cơ quan có thẩm quyền giao.

- Các cơ quan quản lý giáo dục dục chủ trì (hoặc phân cấp cho cơ sở giáo dục) thực hiện tuyển dụng, điều động, bố trí, đánh giá, bổ nhiệm nhà giáo.

4.3. Chi tiết một số nội dung cập nhật tại dự thảo 5 Luật Nhà giáo

(i) Dung lượng dự thảo có nhiều thay đổi

Dự thảo 2 (*bản đăng trên Cổng TTĐT Chính phủ và gửi xin ý kiến các địa phương, đơn vị)* gồm 9 chương, 71 Điều; Dự thảo 5 trình Quốc hội ngày 6/9/2024 gồm 9 Chương, 74 Điều; Dự thảo 5 (*bản trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ Tám, Quốc hội khóa XV, trình ngày 17/10/2024*) gồm 9 Chương 50 Điều (*giảm 20 Điều, cấu trúc giữ nguyên 9 chương*).

- Tạo sự bình đẳng về quyền, nghĩa vụ, hoạt động nghề nghiệp giữa nhà giáo của cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục ngoài công lập, lần đầu tiên vị trí pháp lý của nhà giáo ngoài công lập được xác lập đầy đủ, đồng bộ với tư cách nhà giáo chứ không chỉ là người lao động theo cơ chế hợp đồng lao động.

- Bảo đảm chất lượng nhà trường thông qua việc nâng cao chất lượng nhà giáo với tư cách là yếu tố quyết định trong việc nâng cao chất lượng dạy và học; giúp nhà trường tăng tự chủ trong tuyển dụng, sử dụng nhà giáo; bảo đảm để người học được tiếp cận giáo dục có chất lượng được cung ứng bởi nhà giáo có chất lượng; bảo đảm công bằng về chất lượng giáo dục nhất là giữa trường công và trường tư; bảo đảm chất lượng trong tiếp cận giáo dục của nhà giáo nước ngoài tham gia hoạt động giáo dục tại Việt Nam.

- Khắc phục được những vướng mắc hiện nay trong quản lý nhà nước về nhà giáo trên cơ sở thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về nhà giáo, thực hiện phân công, phân cấp hợp lý trên cơ sở bảo đảm vai trò chủ động của ngành giáo dục; Góp phần thực hiện khâu đột phá chiến lược về phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trên cơ sở xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo với tư cách là bộ phận đông nhất và quan trọng nhất trong phát triển nhân lực, xây dựng đội ngũ trí thức của đất nước.

- Là căn cứ pháp lý cao nhất để xã hội ghi nhận và đồng thuận đối với vị trí, vai trò của nhà giáo, sự chuyên nghiệp của nghề dạy học; là chế tài pháp lý đủ mạnh để xã hội giám sát hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo; phản biện với hành vi sai trái của nhà giáo (nếu có) cũng như bảo vệ nhà giáo nếu nhà giáo bị các cá nhân/tổ chức ứng xử sai trái trong hoạt động nghề nghiệp; tạo cơ sở pháp lý để triển khai chủ trương xây dựng xã hội học tập và xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

VI. TÍNH THỐNG NHẤT, ĐỒNG BỘ VÀ TƯƠNG THÍCH VỚI CÁC LUẬT, ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ LIÊN QUAN

1. Luật Nhà giáo quy định các vấn đề về tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhà giáo. Trong đó, nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập là viên chức đặc biệt nên vừa thực hiện các quy định đối với viên chức và một số chính sách riêng của nhà giáo. Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các chính sách riêng của nhà giáo tại luật này. Theo đó, Luật Nhà giáo đảm bảo đồng bộ với Luật Viên chức, Bộ luật Lao động và gia tăng một số chính sách riêng cho nhà giáo. Một số nội dung chính sách quy định về nhà giáo khác với các luật hiện hành được xử lý sửa đổi tại luật này. Đối với các quy định về nhà giáo tại Chương IV Luật Giáo dục và các luật liên quan như Luật Giáo dục Đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp được rà soát, điều chỉnh theo hướng chỉ giữ lại một số quy định chung mang tính chất "khung" về nhà giáo tại Luật Giáo dục và những quy định gắn với đặc thù cấp học, trình độ đào tạo ở các luật chuyên ngành, còn lại quy định tại luật này.

2. Dự thảo Luật Nhà giáo bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan, thể hiện tại báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật về nhà giáo kèm theo hồ sơ dự án Luật này.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Sau khi Luật Nhà giáo được thông qua, Chính phủ giao các Bộ chuẩn bị theo thẩm quyền để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành theo đúng tiến độ.

2. Tuyên truyền, phổ biến Luật

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương, trong đó Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chủ trì thực hiện tuyên truyền, phổ biến Luật Nhà giáo và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3. Bảo đảm nguồn lực thực hiện Luật

Với các chính sách dự kiến quy định, về cơ bản không yêu cầu tăng thêm nhân lực để triển khai thực hiện chính sách sau khi được thông qua. Việc triển khai thực hiện luật sau khi được thông qua vẫn được đảm bảo thực hiện bởi nguồn nhân lực như hiện hành của các cơ quan, không cần tăng thêm nguồn nhân lực.

Nguồn lực về tài chính để thi hành Luật Nhà giáo được đánh giá chi tiết trong báo cáo đánh giá tác động kèm theo Tờ trình này.

4. Theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành Luật

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 406/TTr-CP của Chính phủ ngày 06/9/2024 trình Quốc hội về dự án Luật Nhà giáo.

(Hồ sơ gửi kèm: (1) Dự thảo 5 Luật Nhà giáo; (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự án Luật Nhà giáo; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (3) Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về nhà giáo; (4) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự án Luật Nhà giáo; (5) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nhà giáo; (6) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật Nhà giáo; (7) Báo cáo kinh nghiệm quốc tế về chính sách đối với nhà giáo; (8) Dự thảo các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Nhà giáo; (9) Các tài liệu khác có liên quan)./.

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Nguyễn Kim Sơn

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBTV Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Ủy ban VHGD của Quốc hội (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội (để b/c);
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: TH, PL, QHĐP (để b/c);
- Các Bộ: Tư pháp, GDĐT;
- Lưu: VT, PL(2).

QUỐC HỘI -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Luật số: /20…/QH15	*Hà Nội, ngày tháng năm 20…*

Dự thảo 5

LUẬT
NHÀ GIÁO

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Nhà giáo.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động nghề nghiệp, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo; chức danh, chuẩn nghề nghiệp nhà giáo; tuyển dụng, sử dụng nhà giáo; chính sách tiền lương, đãi ngộ đối với nhà giáo; đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác quốc tế đối với nhà giáo; tôn vinh, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với nhà giáo; quản lý nhà giáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với:

1. Nhà giáo được tuyển dụng, làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của nhà giáo.

Điều 3. Vị trí, vai trò của nhà giáo

1. Nhà giáo là nguồn nhân lực chất lượng cao, là bộ phận quan trọng trong đội ngũ trí thức của đất nước, là lực lượng nòng cốt của ngành Giáo dục, được xã hội bảo vệ, kính trọng, tôn vinh.

2. Nhà giáo có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục, có vai trò quan trọng trong việc xây dựng nguồn nhân lực, xây dựng xã hội học tập và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giáo viên* là nhà giáo giảng dạy, giáo dục chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; giảng dạy, giáo dục trình độ sơ cấp, trung cấp trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. *Giảng viên* là nhà giáo giảng dạy, giáo dục từ trình độ cao đẳng trở lên; nhà giáo trong các trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; nhà giáo

trong các trường của lực lượng vũ trang nhân dân có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nhà nước về nhiệm vụ và kiến thức quốc phòng, an ninh.

3. *Cơ quan quản lý giáo dục* là cơ quan chuyên môn có thẩm quyền giúp cơ quan quản lý nhà nước các cấp về giáo dục.

4. *Cơ sở giáo dục ngoài công lập* là cơ sở giáo dục do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoặc cộng đồng dân cư thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tự bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước và hoạt động theo quy định của pháp luật, bao gồm cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

5. *Cán bộ quản lý giáo dục* là người thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo phạm vi thẩm quyền được giao trong cơ quan quản lý giáo dục.

6. *Người đứng đầu cơ sở giáo dục* là hiệu trưởng, giám đốc hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của cơ sở giáo dục.

7. *Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục* là người được bổ nhiệm hoặc công nhận giữ chức vụ quản lý, chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc trong cơ sở giáo dục.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý và phát triển nhà giáo

1. Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; sự thống nhất quản lý của Nhà nước, trách nhiệm trực tiếp của cơ quan quản lý giáo dục.

2. Thực hiện chuẩn hoá, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo.

3. Thực hiện bình đẳng giới; bình đẳng về quyền, nghĩa vụ, hoạt động nghề nghiệp giữa nhà giáo của cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục ngoài công lập.

4. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự chủ, sáng tạo trong hoạt động chuyên môn của nhà giáo.

5. Thực hiện phân cấp, phân quyền; có sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý và phát triển nhà giáo.

6. Bảo đảm quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý và phát triển nhà giáo.

7. Bảo đảm việc quản lý nhà giáo thống nhất với quy định của pháp luật về viên chức và quy định của pháp luật về lao động.

Điều 6. Chính sách của nhà nước về xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo

1. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo; bảo đảm số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ nhà giáo, đặc biệt nhà giáo là

người dân tộc thiểu số và nhà giáo đang công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Thu hút, trọng dụng người có trình độ cao, người có tài năng, người có năng khiếu đặc biệt, người có kỹ năng nghề cao làm nhà giáo.

3. Thu hút nhà giáo tham gia giảng dạy, giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Bảo vệ nhân phẩm, danh dự, thân thể của nhà giáo trong hoạt động nghề nghiệp.

5. Ưu tiên về tiền lương, đãi ngộ đối với nhà giáo.

6. Khuyến khích nhà giáo đổi mới, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp.

7. Có chính sách đào tạo nguồn nhà giáo và bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp liên tục đối với nhà giáo.

8. Khuyến khích, tạo điều kiện để nhà giáo Việt Nam tham gia học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật với cơ sở giáo dục và tổ chức nước ngoài; nhà giáo, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật với cơ sở giáo dục, tổ chức ở Việt Nam.

9. Huy động các nguồn lực xã hội cho việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo.

Chương II

HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP, QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NHÀ GIÁO

Điều 7. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo

1. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo là hoạt động đặc biệt, có tính chuyên nghiệp, sáng tạo; có sản phẩm là phẩm chất, năng lực của người học; giúp người học phát triển toàn diện được thực hiện thông qua việc dạy học, tổ chức, hướng dẫn, tư vấn học tập, rèn luyện và nêu gương cho người học.

2. Hoạt động nghề nghiệp bao gồm hoạt động chuẩn bị và tổ chức giảng dạy, giáo dục, đánh giá đối với người học; hoạt động học tập, bồi dưỡng; nghiên cứu khoa học; phục vụ cộng đồng và các hoạt động khác.

3. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo được thực hiện theo năm học hoặc khóa học.

4. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo được quy định theo cấp học, trình độ đào tạo như sau:

a) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non là nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em theo chương trình giáo dục mầm non;

b) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học, giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông và giáo viên dự bị đại học là giáo dục, giảng dạy

môn học và hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông từng cấp học và chương trình dự bị đại học;

c) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên giáo dục thường xuyên là giảng dạy, giáo dục theo các chương trình giáo dục thường xuyên;

d) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp là giảng dạy, giáo dục, hướng dẫn người học theo chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác;

đ) Hoạt động nghề nghiệp của giảng viên đại học là giảng dạy, giáo dục, hướng dẫn người học theo chương trình giáo dục đại học; đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

Điều 8. Quyền của nhà giáo

1. Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật về viên chức; nhà giáo trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập và nhà giáo là người nước ngoài thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật về lao động.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, nhà giáo còn có các quyền sau:

a) Được giảng dạy, giáo dục phù hợp với chuyên môn đào tạo; được nhận xét, đánh giá, khen thưởng, xử lý kỷ luật người học theo quy định;

b) Được chủ động phân phối thời lượng và sắp xếp nội dung theo chương trình giáo dục; chủ động lựa chọn, sử dụng tài liệu, học liệu phục vụ hoạt động giảng dạy, giáo dục;

c) Được nghiên cứu khoa học và chuyển giao sản phẩm nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học và sở hữu trí tuệ;

d) Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự, thân thể khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp; được đối xử bình đẳng trong hoạt động và phát triển nghề nghiệp;

đ) Được nghỉ hè và các ngày nghỉ khác theo quy định;

e) Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ;

g) Được tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu khoa học hoặc tổ chức liên quan khác theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục;

Điều 9. Nghĩa vụ của nhà giáo

1. Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về viên chức; nhà giáo trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập và nhà giáo là người nước ngoài thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về lao động.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, nhà giáo còn có các nghĩa vụ sau:

a) Giảng dạy, giáo dục đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục; thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục;

b) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự, đạo đức nhà giáo; mẫu mực, nêu gương trong hoạt động nghề nghiệp và xã hội; bảo đảm liêm chính học thuật;

c) Tôn trọng, đối xử công bằng và tham gia bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học;

d) Phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, phát huy phẩm chất và năng lực của người học;

đ) Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, tham gia nghiên cứu và áp dụng khoa học giáo dục đối với giáo viên;

e) Tham gia xây dựng môi trường giáo dục an toàn, dân chủ, đổi mới, sáng tạo;

g) Chịu trách nhiệm pháp lý nếu có hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều 11 Luật này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Đạo đức nhà giáo

1. Đạo đức nhà giáo là các chuẩn mực về nhận thức, thái độ và hành vi trong mối quan hệ của nhà giáo với người học, đồng nghiệp, gia đình người học, cộng đồng.

2. Đạo đức nhà giáo được thể hiện qua các quy tắc ứng xử của nhà giáo trong thực hiện nhiệm vụ và trong quan hệ xã hội phù hợp với hoạt động nghề nghiệp.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bộ quy tắc ứng xử của nhà giáo.

Điều 11. Những việc không được làm

1. Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập không được làm những việc viên chức không được làm theo quy định của pháp luật về viên chức. Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập và nhà giáo là người nước ngoài không được làm những việc bị nghiêm cấm trong lĩnh vực lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, nhà giáo không được làm các việc sau:

a) Phân biệt đối xử giữa những người học dưới mọi hình thức;

b) Gian lận, cố ý làm sai lệch kết quả trong các hoạt động tuyển sinh, đánh giá người học;

c) Ép buộc người học tham gia học thêm dưới mọi hình thức;

d) Ép buộc người học nộp các khoản tiền hoặc hiện vật ngoài quy định của pháp luật;

đ) Lợi dụng chức danh nhà giáo và hoạt động giảng dạy, giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

3. Những việc tổ chức, cá nhân không được làm đối với nhà giáo

a) Không thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách của nhà giáo theo quy định;

b) Công khai thông tin trong quá trình thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của nhà giáo khi chưa có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền hoặc lan truyền, phát tán thông tin không chính xác về nhà giáo;

c) Các việc không được làm khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III
CHỨC DANH, CHUẨN NGHỀ NGHIỆP NHÀ GIÁO

Điều 12. Chức danh nhà giáo

1. Chức danh nhà giáo là tên gọi thể hiện trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo tương ứng với từng cấp học, trình độ đào tạo.

2. Căn cứ mức độ phức tạp trong hoạt động nghề nghiệp, chức danh nhà giáo được xếp hạng theo từng cấp học, trình độ đào tạo.

3. Việc bổ nhiệm, thăng hạng chức danh nhà giáo được thực hiện căn cứ vào loại hình cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

4. Các hạng chức danh nhà giáo ở từng cấp học, trình độ đào tạo được xác định tương đương khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

5. Chức danh nhà giáo trong trường của lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định của Luật này.

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 13. Giáo sư, phó giáo sư

1. Giáo sư, phó giáo sư là chức danh của nhà giáo đang giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng tiêu chuẩn giáo sư, phó giáo sư do cơ sở giáo dục đại học bổ nhiệm.

2. Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

Điều 14. Chuẩn nghề nghiệp nhà giáo

Chuẩn nghề nghiệp nhà giáo là hệ thống các tiêu chuẩn theo từng hạng của chức danh nhà giáo, bao gồm:

1. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nhà giáo.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 15. Sử dụng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo

1. Các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục sử dụng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo trong tuyển dụng, bố trí và đánh giá đối với nhà giáo; xây dựng và thực hiện chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo.

2. Các cơ sở giáo dục sử dụng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

3. Nhà giáo sử dụng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo trong việc tự đánh giá phẩm chất, năng lực; xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện, bồi dưỡng, phát triển nghề nghiệp liên tục.

4. Chuẩn nghề nghiệp nhà giáo được áp dụng thống nhất đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập và nhà giáo là người nước ngoài được tuyển dụng trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khung chuẩn nghề nghiệp nhà giáo và quy định cụ thể chuẩn nghề nghiệp nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Căn cứ khung chuẩn nghề nghiệp nhà giáo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cơ quan có thẩm quyền của Đảng quy định cụ thể chuẩn nghề nghiệp nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

Chương IV

TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG NHÀ GIÁO

Điều 16. Tuyển dụng nhà giáo

1. Nội dung và phương thức tuyển dụng

a) Nội dung tuyển dụng căn cứ vào chuẩn nghề nghiệp nhà giáo;

b) Phương thức tuyển dụng thông qua xét tuyển hoặc thi tuyển, trong đó phải có thực hành sư phạm.

2. Thẩm quyền tuyển dụng

a) Nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập do cơ quan quản lý giáo dục chủ trì tuyển dụng hoặc phân cấp, ủy quyền. Đối với cơ sở giáo dục được giao quyền tự chủ, người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện việc tuyển dụng;

b) Nhà giáo trong cơ sở giáo dục ngoài công lập do cơ sở giáo dục chủ trì tuyển dụng theo quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục.

3. Đối tượng được đặc cách, ưu tiên trong tuyển dụng nhà giáo

Ngoài các trường hợp được đặc cách, ưu tiên trong tuyển dụng theo quy định của pháp luật, các trường hợp được đặc cách, ưu tiên trong tuyển dụng nhà giáo bao gồm:

a) Người có trình độ cao, người có tài năng, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, người có năng khiếu đặc biệt trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống phù hợp với nghề dạy học;

b) Người tình nguyện làm việc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ thuộc đối tượng được ưu tiên trong tuyển dụng;

c) Người tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên theo chế độ cử tuyển hoặc theo đặt hàng giữa địa phương với cơ sở đào tạo;

d) Người đã có thời gian hợp đồng lao động làm nhà giáo trong cơ sở giáo dục từ 02 năm trở lên.

4. Chính sách thu hút nhà giáo trong tuyển dụng

a) Áp dụng đối với người tình nguyện hoặc nhà giáo đến giảng dạy ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chuyên gia và người có trình độ cao;

b) Thực hiện thông qua tiếp nhận để trở thành nhà giáo;

c) Khuyến khích các địa phương, cơ sở giáo dục có các chính sách thu hút khác trong tuyển dụng.

5. Những người không được đăng ký tuyển dụng:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng;

c) Người đã có tiền án, tiền sự hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của Bộ luật Hình sự.

6. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, quy trình, thủ tục, đối tượng ưu tiên, hình thức, nội dung thi tuyển và xét tuyển nhà giáo; tuyển dụng đặc cách nhà giáo; tuyển dụng nhà giáo là người nước ngoài.

Điều 17. Tiếp nhận nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập

1. Căn cứ nhu cầu vị trí việc làm của cơ sở giáo dục công lập, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo xem xét tiếp nhận người đã từng là nhà giáo đang công tác tại cơ quan quản lý giáo dục; người đã từng là nhà giáo được điều động công tác tại cơ quan, đơn vị khác; nhà giáo được cấp có thẩm quyền đồng ý thuyên chuyển và đối tượng thuộc chính sách thu hút trong tuyển dụng theo quy định tại Luật này.

2. Chính phủ quy định các trường hợp tiếp nhận, thẩm quyền, quy trình, thủ tục tiếp nhận nhà giáo.

Điều 18. Chế độ tập sự, thử việc

1. Người trúng tuyển trở thành nhà giáo phải thực hiện chế độ tập sự hoặc thử việc.

2. Người trúng tuyển trong các cơ sở giáo dục công lập thực hiện chế độ tập sự theo quy định của pháp luật về viên chức. Trong thời gian tập sự người được tuyển dụng phải thực hành các hoạt động giảng dạy, giáo dục dưới sự hướng dẫn của nhà giáo được giao nhiệm vụ.

3. Người trúng tuyển trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện chế độ thử việc theo quy định của pháp luật về lao động. Trong thời gian thử việc người được tuyển dụng phải thực hành các hoạt động giảng dạy, giáo dục dưới sự hướng dẫn của nhà giáo được giao nhiệm vụ.

4. Trường hợp trước khi tuyển dụng đã có thời gian trực tiếp giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục phù hợp với vị trí việc làm được tuyển dụng và trường hợp tuyển dụng đặc cách thì được xem xét miễn, giảm thời gian tập sự.

5. Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn, điều kiện và chế độ đối với nhà giáo thực hiện hướng dẫn tập sự hoặc thử việc.

Điều 19. Hợp đồng đối với nhà giáo

1. Hợp đồng đối với nhà giáo bao gồm hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật về viên chức và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

2. Hợp đồng làm việc xác định thời hạn áp dụng đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập đang trong thời gian tập sự.

3. Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn áp dụng đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập đã hoàn thành chế độ tập sự.

4. Hợp đồng lao động áp dụng đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập, nhà giáo là người nước ngoài.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 20. Chế độ làm việc của nhà giáo

1. Chế độ làm việc của nhà giáo bao gồm thời gian làm việc và thời gian nghỉ, được quy định theo năm học và quy đổi thành giờ dạy, tiết dạy trên năm hoặc trên tuần theo từng cấp học, trình độ đào tạo.

2. Thời gian nghỉ hè hằng năm của nhà giáo tối đa là 08 tuần và được bố trí phù hợp đối với nhà giáo từng cấp học, trình độ đào tạo và loại hình cơ sở giáo dục.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chế độ làm việc đối với nhà giáo theo từng cấp học, trình độ đào tạo.

4. Căn cứ quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về chế độ làm việc đối với nhà giáo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cơ quan có thẩm quyền của Đảng quy định cụ thể về chế độ làm việc của nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 21. Điều động nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập

1. Điều động nhà giáo là việc cấp có thẩm quyền chuyển nhà giáo từ cơ sở giáo dục công lập này sang cơ sở giáo dục công lập khác hoặc chuyển nhà giáo từ cơ sở giáo dục công lập sang cơ quan quản lý giáo dục.

2. Việc điều động nhà giáo được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bố trí nhà giáo do sắp xếp lại cơ sở giáo dục hoặc giải quyết tình trạng thừa, thiếu nhà giáo;

d) Hỗ trợ nâng cao chất lượng giảng dạy, giáo dục, quản lý của cơ sở giáo dục;

c) Theo yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục.

3. Nguyên tắc điều động nhà giáo:

a) Nhà giáo được điều động phải đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác sẽ đảm nhận;

b) Công tác điều động nhà giáo phải được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền điều động do cơ quan quản lý giáo dục chủ trì tham mưu thực hiện hoặc thực hiện theo phân cấp, ủy quyền.

5. Bảo lưu chế độ, chính sách trong điều động nhà giáo:

a) Trường hợp điều động nhà giáo giữa các cơ sở giáo dục công lập, nếu chế độ, chính sách ở vị trí công việc cũ cao hơn chế độ, chính sách ở vị trí công việc mới thì được bảo lưu các chế độ, chính sách của vị trí công việc cũ trong thời hạn tối đa 36 tháng. Sau thời gian bảo lưu thì thực hiện theo các chế độ, chính sách của vị trí công việc mới;

b) Trường hợp điều động nhà giáo từ cơ sở giáo dục công lập sang cơ quan quản lý giáo dục thì được bảo lưu chế độ phụ cấp thâm niên và phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trong thời hạn tối đa 12 tháng. Sau thời gian bảo lưu thì thực hiện theo các chế độ, chính sách của vị trí công việc mới.

6. Các trường hợp không thực hiện điều động:

a) Nhà giáo nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, nhà giáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nhà giáo có vợ hoặc chồng đang làm nhiệm vụ ở vùng biên giới, hải đảo trừ trường hợp nhà giáo có nguyện vọng;

b) Nhà giáo thuộc các trường hợp quy định chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng và pháp luật có liên quan.

7. Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều động nhà giáo này.

Điều 22. Biệt phái nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập

1. Biệt phái nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.

2. Thẩm quyền biệt phái nhà giáo do cơ quan quản lý giáo dục chủ trì, tham mưu thực hiện hoặc phân cấp, ủy quyền.

3. Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục biệt phái nhà giáo.

Điều 23. Thuyên chuyển nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập

1. Thuyên chuyển là việc nhà giáo chuyển từ cơ sở giáo dục này đến cơ sở giáo dục khác hoặc đơn vị khác theo nguyện vọng cá nhân, được sự đồng ý của cơ sở giáo dục, đơn vị nơi nhà giáo chuyển đi và chuyển đến.

2. Các trường hợp không được thuyên chuyển

a) Người đang trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật; đang bị kiểm tra, xác minh, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử;

b) Công tác chưa đủ 03 năm tính từ thời điểm được tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nhà giáo trừ trường hợp tự nguyện, tình nguyện thuyên chuyển công tác về cơ sở giáo dục ở nơi đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

3. Nhà giáo đã công tác tại ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ 03 năm trở lên được cơ sở giáo dục nơi nhà giáo công tác và cơ quan quản lý giáo dục theo thẩm quyền giải quyết cho thuyên chuyển khi nơi đến đồng ý tiếp nhận.

4. Nhà giáo được cơ quan quản lý giáo dục quản lý trực tiếp đồng ý cho thuyên chuyển thì cơ sở giáo dục nơi nhà giáo chuyển đi chấm dứt hợp đồng với nhà giáo, cơ sở giáo dục hoặc đơn vị nơi nhà giáo chuyển đến thực hiện việc tiếp nhận nhà giáo.

5. Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục thuyên chuyển nhà giáo.

Điều 24. Nhà giáo dạy liên trường, liên cấp trong cơ sở giáo dục công lập

1. Dạy liên trường, liên cấp là việc nhà giáo được cơ quan quản lý giáo dục phân công giảng dạy đồng thời từ 02 cấp học trong cơ sở giáo dục có nhiều cấp học hoặc trình độ đào tạo; từ 02 cơ sở giáo dục trở lên cùng cấp học hoặc khác cấp học.

2. Việc bố trí nhà giáo dạy liên trường, liên cấp phải căn cứ đơn vị hành chính, chuyên môn, nghiệp vụ, chế độ làm việc và phải bảo đảm chế độ, chính sách của nhà giáo.

3. Các cơ sở giáo dục có nhà giáo dạy liên trường, liên cấp thống nhất việc bố trí, phân công giảng dạy và tạo điều kiện để nhà giáo hoàn thành nhiệm vụ.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 25. Bổ nhiệm nhà giáo giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

1. Việc bổ nhiệm nhà giáo giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phải căn cứ vào tiêu chuẩn, năng lực, uy tín của nhà giáo và các quy định khác của pháp luật.

2. Nhà giáo được bổ nhiệm giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nếu giảng dạy đủ định mức theo quy định được hưởng chế độ, chính sách của nhà giáo và chế độ chính sách của chức vụ quản lý.

3. Việc bổ nhiệm nhà giáo giữ chức vụ quản lý cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo quy định bổ nhiệm đối với viên chức và các quy định khác có liên quan do cơ quan quản lý giáo dục chủ trì tham mưu hoặc quyết định hoặc công nhận theo thẩm quyền.

4. Việc bổ nhiệm nhà giáo giữ chức vụ quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục.

5. Chính phủ quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm quyền, quy trình, thủ tục bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với nhà giáo giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

Điều 26. Đánh giá đối với nhà giáo

1. Nhà giáo được đánh giá định kỳ 01 lần vào cuối năm học.

2. Nội dung đánh giá đối với nhà giáo theo chuẩn nghề nghiệp nhà giáo.

3. Việc đánh giá đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định về đánh giá viên chức.

4. Việc đánh giá đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục.

5. Ngoài việc đánh giá định kỳ, nhà giáo còn được đánh giá khi kết thúc tập sự; thay đổi vị trí việc làm; xét khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng.

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Chương V

CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Điều 27. Tiền lương và phụ cấp đối với nhà giáo

1. Tiền lương nhà giáo ở cơ sở giáo dục công lập như sau:

a) Lương của nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp;

b) Phụ cấp ưu đãi nghề và các phụ cấp khác tùy theo tính chất công việc, theo vùng theo quy định của pháp luật;

c) Nhà giáo cấp học mầm non; nhà giáo công tác ở nơi đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; nhà giáo trường chuyên biệt, trường chuyên biệt khác; nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập; nhà giáo là người dân tộc thiểu số và nhà giáo ở một số ngành nghề đặc thù được ưu tiên trong chế độ tiền lương và phụ cấp cao hơn so với các nhà giáo khác;

d) Nhà giáo tuyển dụng, xếp lương lần đầu được xếp tăng 01 bậc lương trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp.

2. Tiền lương và các chính sách theo lương của nhà giáo trong cơ sở giáo dục ngoài công lập bảo đảm không ít hơn tiền lương và các chính sách theo lương của nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập có cùng trình độ đào tạo, cùng chức danh trừ khi có thỏa thuận khác.

3. Nhà giáo công tác ở các ngành, lĩnh vực có chế độ đặc thù thì được hưởng chế độ đặc thù theo quy định và chỉ được hưởng ở một mức cao nhất nếu chính sách đó trùng với chính sách dành cho nhà giáo.

4. Chính phủ quy định chi tiết tiền lương và phụ cấp đối với nhà giáo.

Điều 28. Chính sách hỗ trợ nhà giáo

1. Chính sách hỗ trợ nhà giáo bao gồm:

a) Chế độ trợ cấp theo tính chất công việc, theo vùng;

b) Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng;

c) Chăm sóc sức khỏe định kỳ, chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp;

d) Phụ cấp lưu động đối với nhà giáo làm công tác xóa mù chữ hoặc phổ cập giáo dục hoặc biệt phái hoặc dạy tăng cường hoặc dạy liên trường hoặc phải di chuyển để dạy ở các điểm trường tại các thôn, bản, phum, sóc;

đ) Các chính sách hỗ trợ khác cho nhà giáo.

2. Ngoài chính sách chung quy định tại khoản 1 điều này, nhà giáo công tác vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhà giáo dạy trường chuyên biệt, nhà giáo dạy giáo dục hòa nhập; nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số; nhà giáo dạy tăng cường tiếng Việt cho học sinh người dân tộc thiểu số; nhà giáo dạy các môn năng khiếu, nghệ thuật còn được hưởng một số chính sách hỗ trợ trong số các chính sách sau:

a) Được bảo đảm chỗ ở tập thể đủ các điều kiện thiết yếu hoặc được thuê nhà ở công vụ theo quy định của Luật Nhà ở khi đến công tác tại vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Thanh toán tiền tàu xe trong thời gian làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn khi nghỉ hằng năm, nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng về thăm gia đình theo quy định;

c) Chế độ phụ cấp, trợ cấp tùy theo đối tượng.

3. Ngoài các chính sách hỗ trợ quy định tại Điều này, nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập được hưởng các chính sách hỗ trợ đối với viên chức và các chính sách hỗ trợ khác nếu có.

4. Khuyến khích địa phương, cơ sở giáo dục có các chính sách hỗ trợ nhà giáo bảo đảm cuộc sống, phát triển nghề nghiệp phù hợp với điều kiện thực tiễn và nguồn tài chính hợp pháp của địa phương, cơ sở giáo dục.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 29. Chính sách thu hút nhà giáo

1. Đối tượng hưởng chính sách thu hút

a) Người có trình độ cao, người có tài năng, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, người có năng khiếu đặc biệt tham gia tuyển dụng làm nhà giáo;

b) Nhà giáo công tác ở nơi đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

2. Các chính sách thu hút

a) Được hưởng phụ cấp và trợ cấp thu hút;

b) Bảo đảm chỗ ở tập thể có đủ điều kiện thiết yếu hoặc được thuê nhà ở công vụ khi đến công tác tại vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

c) Hỗ trợ trong đào tạo, bồi dưỡng.

3. Ngoài các chính sách thu hút quy định tại Điều này, nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập được hưởng các chính sách thu hút đối với viên chức và các chính sách thu hút khác theo quy định của pháp luật.

4. Khuyến khích địa phương, cơ sở giáo dục có các chính sách thu hút nhà giáo phù hợp với điều kiện thực tiễn và nguồn tài chính hợp pháp địa phương, cơ sở giáo dục.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 30. Chế độ nghỉ hưu đối với nhà giáo

1. Tuổi nghỉ hưu của nhà giáo thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định của pháp luật có liên quan trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non nếu có nguyện vọng thì có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

Điều 31. Chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập

1. Nhà giáo có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ tiến sĩ và nhà giáo làm việc trong các ngành, lĩnh vực chuyên sâu đặc thù được hưởng chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao hơn.

2. Chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao hơn được thực hiện khi cơ sở giáo dục có nhu cầu, nhà giáo có đủ sức khỏe, tự nguyện.

3. Khi thực hiện chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao hơn, nhà giáo không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và không được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo.

4. Thời gian làm việc khi nghỉ hưu ở tuổi cao hơn không quá 5 năm đối với nhà giáo có trình độ tiến sĩ, không quá 7 năm đối với nhà giáo có chức danh phó giáo sư, không quá 10 năm đối với nhà giáo có chức danh giáo sư.

5. Chính phủ quy định chi tiết chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao đối với nhà giáo ở các ngành, lĩnh vực chuyên sâu đặc thù.

Chương VI

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Mục 1

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NHÀ GIÁO

Điều 32. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo

1. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo được quy định như sau:

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên ngành giáo dục mầm non đối với giáo viên mầm non;

b) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học, cấp học giảng dạy đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp với môn học, cấp học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

c) Có bằng thạc sĩ trở lên đối với nhà giáo giảng dạy trình độ đại học; có bằng tiến sĩ đối với nhà giáo giảng dạy, hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ;

d) Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

đ) Trình độ chuẩn được đào tạo đối với nhà giáo ở các ngành chuyên sâu, đặc thù trong lĩnh vực sức khỏe, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao và nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Việc đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thực hiện theo quy định của Chính phủ. Việc sử dụng nhà giáo trong trường hợp chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 33. Đào tạo nguồn giáo viên, giảng viên

1. Đào tạo nguồn giáo viên, giảng viên là quá trình giúp người học đạt kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp nhà giáo.

2. Đào tạo nguồn giáo viên

a) Đào tạo nguồn giáo viên do cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện thông qua các chương trình đào tạo giáo viên hoặc các chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành phù hợp với môn học, cấp học và chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm;

b) Người trúng tuyển, theo học các chương trình đào tạo giáo viên được hưởng chính sách thu hút, hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

3. Đào tạo nguồn giảng viên

a) Đào tạo nguồn giảng viên do cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện thông qua việc tuyển dụng ứng viên có năng lực và phẩm chất phù hợp với nghề dạy học, đã có bằng cử nhân trở lên hoặc văn bằng trình độ tương đương ở chuyên ngành đó;

b) Người được đào tạo trở thành giảng viên được hưởng các chính sách thu hút, hỗ trợ theo quy định của Chính phủ và các chính sách theo quy chế của cơ sở giáo dục.

Điều 34. Bồi dưỡng nhà giáo

1. Bồi dưỡng nhà giáo là việc trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục, phát triển nghề nghiệp liên tục.

2. Các nội dung bồi dưỡng nhà giáo gồm:

a) Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thực hiện chế độ bồi dưỡng theo quy định của pháp luật về viên chức; trong đó, nội dung kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm bao gồm: bồi dưỡng thường xuyên cập nhật kiến thức, kỹ năng đáp ứng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo; bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời; bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, quản trị cơ sở giáo dục;

b) Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện bồi dưỡng nội dung kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm theo quy định tại điểm a khoản này và các nội dung khác theo nhu cầu của cơ sở giáo dục.

3. Bồi dưỡng nhà giáo bao gồm bồi dưỡng bắt buộc, bồi dưỡng tự chọn, tự học, tự nghiên cứu bằng các hình thức phù hợp.

Điều 35. Trách nhiệm và quyền của nhà giáo khi tham gia bồi dưỡng

1. Trách nhiệm của nhà giáo khi tham gia bồi dưỡng

a) Tham gia đầy đủ và hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo quy định;

b) Chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở bồi dưỡng;

c) Có ý thức tự học, học tập suốt đời, phát triển nghề nghiệp liên tục;

d) Tham gia đóng góp ý kiến về nội dung và công tác tổ chức các chương trình bồi dưỡng;

đ) Vận dụng kết quả bồi dưỡng vào hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, đổi mới sáng tạo.

2. Quyền của nhà giáo khi tham gia bồi dưỡng

a) Được tạo điều kiện về thời gian để tham gia bồi dưỡng. Thời gian tham gia bồi dưỡng theo chương trình bồi dưỡng bắt buộc và tự chọn được tính vào thời gian công tác liên tục;

b) Được chi trả kinh phí bồi dưỡng khi nhà giáo được cử tham gia bồi dưỡng theo chương trình bồi dưỡng bắt buộc và tự chọn.

Điều 36. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức đối với đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo

1. Chính phủ quy định chi tiết về việc đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo; ban hành chính sách ưu đãi nhằm thu hút người giỏi tham gia đào tạo để trở thành nhà giáo; ban hành chính sách đào tạo, bao gồm đào tạo trong nước và đào tạo ở nước ngoài nhằm phát triển đội ngũ nhà giáo trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ xây dựng đề án, kế hoạch tổng thể về đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

3. Cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, nhà đầu tư hoặc hội đồng trường cơ sở giáo dục ngoài công lập hoặc hội đồng quản trị cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập ban hành kế hoạch bồi dưỡng nhà giáo thuộc phạm vi quản lý.

4. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo ban hành chương trình đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng giáo trình, tài liệu, học liệu và bảo đảm các điều kiện cần thiết để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng.

Mục 2

HỢP TÁC QUỐC TẾ ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Điều 37. Mục tiêu, nguyên tắc hợp tác quốc tế đối với nhà giáo

1. Hợp tác quốc tế đối với nhà giáo nhằm góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế; khẳng định vị thế của nhà giáo Việt Nam trong hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học so với nhà giáo ở các nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

2. Hợp tác quốc tế đối với nhà giáo bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 38. Nội dung, hình thức hợp tác quốc tế đối với nhà giáo

1. Nội dung hợp tác quốc tế đối với nhà giáo

a) Nhà giáo Việt Nam tham gia học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật, các hoạt động hợp tác quốc tế khác với các cơ sở giáo dục, tổ chức của nước ngoài;

b) Nhà giáo người nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật và các hoạt động hợp tác quốc tế khác với các cơ sở giáo dục, tổ chức của Việt Nam.

2. Hình thức hợp tác quốc tế đối với nhà giáo

a) Trao đổi nhà giáo trong khuôn khổ các hiệp định, thỏa thuận hợp tác quốc tế đối với giáo dục;

b) Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo tại nước ngoài thông qua các chương trình học bổng ngân sách nhà nước và chương trình học bổng do Chính phủ nước ngoài, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), chính quyền các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ hoặc cá nhân tài trợ thông qua Chính phủ Việt Nam;

c) Tiếp nhận nhà giáo giảng dạy, làm việc trong cơ sở giáo dục được thành lập theo các chương trình, dự án đầu tư được ký kết giữa Việt Nam và các tổ chức, cá nhân nước ngoài;

d) Tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp trong khu vực và quốc tế;

đ) Tham dự các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, hoạt động giáo dục trong khu vực và quốc tế;

e) Nhà giáo Việt Nam ra nước ngoài và nhà giáo nước ngoài đến Việt Nam để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật theo nhu cầu cá nhân dưới hình thức tự túc hoặc theo hợp đồng.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VII

TÔN VINH, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 39. Ngày Nhà giáo Việt Nam

Ngày 20 tháng 11 hằng năm là ngày Nhà giáo Việt Nam.

Điều 40. Phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú

Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu giáo dục đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật thì được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú.

Điều 41. Phong tặng danh hiệu Tiến sĩ danh dự, Giáo sư danh dự

1. Nhà hoạt động chính trị, xã hội có uy tín quốc tế, nhà giáo, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và khoa học của Việt Nam được cơ sở giáo dục đại học phong tặng danh hiệu Tiến sĩ danh dự.

2. Nhà hoạt động chính trị, xã hội có uy tín quốc tế, nhà giáo, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và khoa học của Việt Nam, có bằng tiến sĩ, được cơ sở giáo dục đại học phong tặng danh hiệu Giáo sư danh dự.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 42. Khen thưởng đối với nhà giáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo

1. Việc khen thưởng đối với nhà giáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Ngoài các hình thức thi đua, khen thưởng theo quy định, các địa phương, cơ sở giáo dục có các hình thức tôn vinh, khen thưởng nhà giáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở giáo dục.

Điều 43. Xử lý kỷ luật đối với nhà giáo

1. Việc xử lý kỷ luật đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo quy định về xử lý kỷ luật đối với viên chức và các quy định khác có liên quan.

2. Việc xử lý kỷ luật đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập và nhà giáo là người nước ngoài thực hiện theo quy định về xử lý kỷ luật đối

với người lao động, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục và các quy định khác có liên quan.

3. Việc xử lý kỷ luật đối với nhà giáo không được ảnh hưởng đến hoạt động học tập của người học. Quá trình xem xét xử lý kỷ luật nhà giáo phải bảo đảm tính nhân văn, giữ gìn hình ảnh, uy tín của nhà giáo và quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Luật này.

Điều 44. Tạm đình chỉ giảng dạy

1. Trong thời hạn xem xét xử lý kỷ luật, người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định tạm đình chỉ giảng dạy đối với nhà giáo nếu việc nhà giáo tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý kỷ luật hoặc ảnh hưởng đến uy tín nhà giáo. Trường hợp người đứng đầu cơ sở giáo dục có dấu hiệu vi phạm thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc công nhận người đứng đầu cơ sở giáo dục ra quyết định tạm đình chỉ.

2. Đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập, thời gian tạm đình chỉ giảng dạy, tiền lương trong thời gian tạm đình chỉ giảng dạy thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức đối với trường hợp tạm đình chỉ công tác.

3. Đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập, nhà giáo là người nước ngoài, thời gian tạm đình chỉ giảng dạy, tiền lương trong thời gian tạm đình chỉ giảng dạy thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động đối với trường hợp tạm đình chỉ công việc.

Điều 45. Xử lý vi phạm đối với các hành vi xâm phạm uy tín, danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của nhà giáo

1. Người nào có hành vi xâm phạm uy tín, danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của nhà giáo thì tùy theo đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Nếu các hành vi xâm phạm uy tín, danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của nhà giáo diễn ra trong phạm vi cơ sở giáo dục và trong khi nhà giáo thực hiện hoạt động nghề nghiệp thì được xem là tình tiết tăng nặng trong xử lý vi phạm.

Chương VIII

QUẢN LÝ NHÀ GIÁO

Điều 46. Quản lý nhà nước về nhà giáo

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về nhà giáo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước về nhà giáo và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về nhà giáo;

b) Chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng chiến lược, đề án, kế hoạch phát triển, tổng biên chế đội ngũ nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý trình cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều phối biên chế nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập theo số lượng được cơ quan có thẩm quyền giao;

d) Quy định chế độ làm việc, tiêu chuẩn cụ thể, phương thức tuyển dụng, đánh giá đối với nhà giáo;

đ) Ban hành chương trình và quản lý việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo;

e) Quản lý công tác hợp tác quốc tế đối với nhà giáo;

g) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu, thống kê về nhà giáo;

h) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về nhà giáo;

i) Hằng năm, báo cáo Chính phủ về đội ngũ nhà giáo.

3. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có thẩm quyền của Đảng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện quản lý nhà nước về nhà giáo.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện quản lý nhà nước về nhà giáo.

5. Cơ quan chuyên môn chủ trì, tham mưu giúp Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Uỷ ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nhà giáo theo quy định của Luật này gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 47. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong quản lý nhà giáo

1. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong quản lý nhà giáo gồm:

a) Xây dựng đề án phát triển nhà giáo, đề án vị trí việc làm;

b) Tuyển dụng, ký hợp đồng đối với nhà giáo, chấm dứt hợp đồng đối với nhà giáo, giải quyết chế độ thôi việc;

c) Bổ nhiệm, thay đổi chức danh nhà giáo;

d) Đánh giá đối với nhà giáo;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; sắp xếp, bố trí và sử dụng nhà giáo;

e) Thực hiện việc đình chỉ, tạm đình chỉ giảng dạy đối với nhà giáo; đánh giá, khen thưởng, kỷ luật nhà giáo;

g) Thực hiện chế độ tiền lương, các chính sách đãi ngộ, hỗ trợ, thu hút nhà giáo; chế độ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo;

h) Lập, quản lý dữ liệu về nhà giáo; thực hiện chế độ báo cáo về nhà giáo;

i) Tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo; kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm đối với nhà giáo; tổ chức hoạt động tư vấn tâm lý, tư vấn pháp luật đối với nhà giáo;

k) Thanh tra, kiểm tra nội bộ, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo đối với nhà giáo.

2. Cơ sở giáo dục ngoài công lập, cơ sở giáo dục công lập được giao tự chủ thực hiện các nội dung quản lý quy định tại khoản 1 Điều này. Người đứng đầu cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý giáo dục quản lý trực tiếp về tình hình tuyển dụng, sử dụng, quản lý nhà giáo tại cơ sở và trách nhiệm giải trình theo quy định.

3. Đối với cơ sở giáo dục công lập chưa được giao tự chủ do cơ quan quản lý giáo dục thực hiện hoặc phân cấp, ủy quyền thực hiện các nội dung quản lý quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của một số luật liên quan

1. Sửa đổi, bổ sung Chương IV Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 như sau:

"Chương IV

NHÀ GIÁO

Điều 66. Nhà giáo

Nhà giáo làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 67. Thỉnh giảng, báo cáo viên

1. Thỉnh giảng là việc cơ sở giáo dục mời nhà giáo ở cơ sở giáo dục khác hoặc người có phẩm chất đạo đức tốt, đạt chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo đến giảng dạy. Người tham gia thỉnh giảng gọi là giáo viên thỉnh giảng hoặc giảng viên thỉnh giảng.

2. Giáo viên thỉnh giảng hoặc giảng viên thỉnh giảng thực hiện các quyền và nghĩa vụ về chuyên môn và quyền, nghĩa vụ khác quy định tại Luật Nhà giáo và theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết với cơ sở giáo dục. Giáo viên thỉnh giảng hoặc giảng viên thỉnh giảng là cán bộ, công chức, viên chức phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ nơi mình công tác.

3. Khuyến khích việc mời nhà giáo, nhà khoa học trong nước, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đến giảng dạy tại cơ sở giáo dục theo chế độ thỉnh giảng.

4. Cơ sở giáo dục được mời báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân ở trong nước và nước ngoài đến báo cáo các chuyên đề liên quan đến chương trình giáo dục.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao quy định cụ thể về thỉnh giảng và báo cáo viên.

Điều 68. Cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

1. Cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo gồm trường sư phạm, cơ sở giáo dục có khoa sư phạm, cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục gồm trường sư phạm, cơ sở giáo dục đại học có khoa quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục.

3. Trường sư phạm do Nhà nước thành lập để đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được ưu tiên trong việc tuyển dụng nhà giáo, bố trí cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, ký túc xá và bảo đảm kinh phí đào tạo. Trường sư phạm có trường thực hành hoặc cơ sở thực hành.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

Điều 69. Quy định điều chỉnh đối với nhà giáo

Quy định về hoạt động nghề nghiệp, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo; chức danh, chuẩn nghề nghiệp nhà giáo; tuyển dụng, sử dụng nhà giáo; chính sách tiền lương, đãi ngộ đối với nhà giáo; đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác quốc tế đối với nhà giáo; quản lý nhà giáo; tôn vinh, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với nhà giáo được tuyển dụng, làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thực hiện theo Luật Nhà giáo".

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 104 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 như sau:

"3. Quy định tiêu chuẩn chức danh, chế độ làm việc của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục; tiêu chuẩn người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ sở giáo dục; tiêu chuẩn chức danh người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn về giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện"

3. Bãi bỏ Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 12 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018.

4. Bãi bỏ Điều 53, Điều 55, Điều 56 Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014.

5. Bổ sung khoản 2a Điều 11 Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 như sau:

"2a. Thực hiện chính sách, pháp luật nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục có chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện sự nghiệp giáo dục;"

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 như sau:

"a) Quyết định biện pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục; bảo đảm số lượng nhà giáo, kinh phí chi ngân sách cho giáo dục theo tỷ lệ quy định và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục; quyết định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục, đào tạo công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật".

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 66 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 như sau:

"3. Mức lương hưu hằng tháng của đối tượng đủ điều kiện quy định tại Điều 65 của Luật này được tính như quy định tại khoản 1 Điều này, sau đó cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi quy định thì giảm 2%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Nhà giáo".

Điều 49. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm 20....

2. Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Nhà giáo đối với nhà giáo trong trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 50. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp đã được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt đề án, kế hoạch tổ chức tuyển dụng nhà giáo, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nhà giáo trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo đề án, kế hoạch đã được phê duyệt trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

2. Nhà giáo tiếp tục được hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo cho đến khi thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

3. Các hợp đồng đang ký với nhà giáo tiếp tục được thực hiện cho đến khi thay đổi nội dung hoặc ký kết lại thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày .... tháng .... năm ....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn